Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-08 09:14:05 +07:00

BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 30/2026/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 42/2017/TT-BCA NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 96/2016/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 7 NĂM 2016 QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ ĐỐI VỚI MỘT SỐ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 03/2024/TT-BCA

Điều 1. Bổ sung điểm o, điểm p vào sau điểm n khoản 1 Điều 2

"o) Thông báo về việc thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ (Mẫu ĐK17);

p) Quyết định về việc hủy giá trị sử dụng Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ (Mẫu ĐK18).".

Điều 2. Bổ sung điểm e và điểm g vào sau điểm đ khoản 2 Điều 2

"e) Văn bản đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ (Mẫu ĐK12a);

g) Danh sách nhân viên dịch vụ bảo vệ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ (Mẫu ĐK12b).".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6

"**Điều 6. Thực hiện chế độ hậu kiểm**

Trong thời hạn không quá 45 ngày, kể từ ngày cấp mới hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự trong trường hợp cơ sở kinh doanh bổ sung ngành, nghề hoặc công đoạn của hoạt động đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; thay đổi địa điểm kinh doanh, cơ quan Công an có thẩm quyền thực hiện chế độ hậu kiểm theo quy định tại khoản 4 Điều 46 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2026 (sau đây viết gọn là Nghị định số 96/2016/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Thông báo bằng văn bản gửi cơ sở kinh doanh nêu rõ nội dung hậu kiểm và thời gian thực hiện công tác hậu kiểm.

2. Nội dung hậu kiểm, gồm:

a) Kiểm tra về điều kiện đối với người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh (chỉ áp dụng đối với trường hợp có nghi vấn) bằng hình thức xác minh lý lịch theo Mẫu ĐK4a hoặc Mẫu ĐK4b ban hành kèm theo Thông tư này đối với người Việt Nam ở trong nước hoặc người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài;

b) Kiểm tra trực tiếp các điều kiện về an ninh, trật tự tại cơ sở kinh doanh.

3. Việc hậu kiểm phải lập biên bản theo Mẫu ĐK5b ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp phát hiện cơ sở kinh doanh không đáp ứng một trong các điều kiện về an ninh, trật tự thì xử lý như sau:

a) Thông báo bằng văn bản yêu cầu cơ sở kinh doanh tạm ngừng, đình chỉ hoạt động kinh doanh ngành, nghề hoặc công đoạn của hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 40 ngày cơ sở kinh doanh phải khắc phục vi phạm về điều kiện an ninh, trật tự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP;

b) Trường hợp cơ sở kinh doanh có văn bản báo cáo đã khắc phục xong vi phạm điều kiện về an ninh, trật tự thì cơ quan Công an có thẩm quyền có trách nhiệm hậu kiểm lại, nếu đủ điều kiện thì ghi cụ thể vào biên bản theo Mẫu ĐK5b ban hành kèm theo Thông tư này để cơ sở kinh doanh hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp hết thời hạn quy định tại điểm a khoản này, cơ sở kinh doanh không khắc phục được vi phạm điều kiện về an ninh, trật tự thì cơ quan Công an có thẩm quyền ra quyết định thu hồi không có thời hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề hoặc công đoạn của hoạt động kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP;

d) Cơ sở kinh doanh chấm dứt hoạt động, nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự thì cơ quan Công an có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận và lập Biên bản giao, nhận theo Mẫu ĐK9 ban hành kèm theo Thông tư này.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7

"Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Đối với cơ quan Công an

a) Báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả công tác quản lý cơ sở hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo mẫu ĐK8 ban hành kèm theo Thông tư này:

Số liệu báo cáo thực hiện theo mốc thời gian: Quý I tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến hết ngày cuối cùng của tháng 02 năm báo cáo; quý II tính từ ngày 01 tháng 3 đến hết ngày 31 tháng 5; quý III tính từ ngày 01 tháng 6 đến hết ngày 31 tháng 8; quý IV tính từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 30 tháng 11.

Công an cấp xã gửi báo cáo về Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh trước ngày 04 tháng 3; ngày 04 tháng 6; ngày 04 tháng 9; ngày 04 tháng 12.

Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh gửi báo cáo về Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trước ngày 08 tháng 3; ngày 08 tháng 6; ngày 08 tháng 9; ngày 08 tháng 12;

b) Báo cáo đột xuất tình hình, vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự xảy ra tại địa phương:

Chậm nhất 24 giờ kể từ khi phát hiện, Công an cấp xã có trách nhiệm báo cáo về Công an cấp tỉnh; Công an cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo về Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Đối với cơ sở kinh doanh:

a) Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng quý theo Mẫu ĐK13 và Phụ lục (nếu có) ban hành kèm theo Thông tư này.

Số liệu báo cáo thực hiện theo mốc thời gian: Quý I tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến hết ngày cuối cùng của tháng 2 năm báo cáo; quý II tính từ ngày 01 tháng 3 đến hết ngày 31 tháng 5; quý III tính từ ngày 01 tháng 6 đến hết ngày 31 tháng 8; quý IV tính từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 30 tháng 11.

Cơ sở kinh doanh gửi báo cáo về cơ quan Công an trực tiếp quản lý trước ngày 02 tháng 3; ngày 02 tháng 6; ngày 02 tháng 9; ngày 02 tháng 12;

b) Cơ sở kinh doanh thực hiện chế độ báo cáo quy định tại điểm a khoản này, lập sổ theo dõi hoạt động kinh doanh, cập nhật thông tin người làm tại cơ sở kinh doanh tại địa chỉ trang web: https://cskd.canhsatquanlyhanhchinh.gov.vn. Trường hợp hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng thì phải thực hiện báo cáo bằng bản giấy theo biểu mẫu quy định gửi về cơ quan Công an có thẩm quyền;

c) Cơ sở kinh doanh có trách nhiệm báo cáo đột xuất tình hình, vụ việc hoặc thông tin liên quan đến lĩnh vực an ninh, trật tự xảy ra tại cơ sở kinh doanh chậm nhất 24 giờ kể từ khi phát hiện về cơ quan Công an cấp xã nơi cơ sở kinh doanh hoạt động và cơ quan Công an trực tiếp quản lý tại địa chỉ trang web: https://cskd.canhsatquanlyhanhchinh.gov.vn.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 10

"11. Phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Bộ Công an trong phòng chống tội phạm; vi phạm pháp luật và nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự. Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn Công an địa phương triển khai thực hiện cập nhật các thông tin trên Cơ sở dữ liệu quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời.".

Điều 6. Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 Điều 11

"đ) Chỉ đạo Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và Công an cấp xã cập nhật các thông tin trên Cơ sở dữ liệu quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời.".

Điều 7. Thay thế cụm từ tại Điều 11 và thay thế biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 42/2017/TT-BCA

1. Thay thế cụm từ "Công an cấp huyện" bằng cụm từ "Công an cấp xã" tại điểm b khoản 2 Điều 11.

2. Thay thế cụm từ "Công an cấp huyện" bằng cụm từ "Công an cấp tỉnh" tại điểm c khoản 4 Điều 11.

3. Thay thế biểu mẫu ĐK1, ĐK2, ĐK3, ĐK4a, ĐK4b, ĐK5a, ĐK5b, ĐK6, ĐK7, ĐK8, ĐK9, ĐK10, ĐK11, ĐK12, ĐK13, ĐK14, ĐK15, ĐK16 ban hành kèm theo Thông tư số 42/2017/TT-BCA đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BCA bằng biểu mẫu ĐK1, ĐK2, ĐK3, ĐK4a, ĐK4b, ĐK5a, ĐK5b, ĐK6, ĐK7, ĐK8, ĐK9, ĐK10, ĐK11, ĐK12, ĐK13, ĐK14, ĐK15, ĐK16 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Bãi bỏ cụm từ, điều khoản tại Điều 8 và Điều 11

1. Bãi bỏ cụm từ "Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp huyện;" tại điểm b khoản 1 Điều 8.

2. Bãi bỏ khoản 3 Điều 11.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 43/2017/TT-BCA NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ VÀ SÁT HẠCH, CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ BẢO VỆ ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 15/2022/TT-BCA NGÀY VÀ THÔNG TƯ SỐ 03/2024/TT-BCA

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3

"1. Khi tiếp nhận hồ sơ của cơ sở kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP (sau đây viết gọn là Nghị định

số 96/2016/NĐ-CP), cán bộ có trách nhiệm kiểm tra thông tin, thành phần, tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện:

a) Đối với hồ sơ tiếp nhận trực tiếp:

Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì ghi vào Giấy biên nhận hồ sơ theo Mẫu ĐK1 ban hành kèm theo Thông tư này và giao trực tiếp cho người đến nộp hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì ghi vào Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu ĐK2 ban hành kèm theo Thông tư này và giao trực tiếp cho người đến nộp hồ sơ. Sau khi cơ sở kinh doanh đã hoàn thiện hồ sơ thì trả Giấy biên nhận hồ sơ theo Mẫu ĐK1 ban hành kèm theo Thông tư này;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì không tiếp nhận hồ sơ, nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ và gửi Thông báo về việc hồ sơ không đủ điều kiện theo Mẫu ĐK3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính:

Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì gửi Giấy biên nhận hồ sơ theo Mẫu ĐK1 ban hành kèm theo Thông tư này qua giao liên của đơn vị hoặc dịch vụ bưu chính đến cơ sở kinh doanh;

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì gửi Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu ĐK2 ban hành kèm theo Thông tư này qua giao liên của đơn vị hoặc dịch vụ bưu chính đến cơ sở kinh doanh. Sau khi cơ sở kinh doanh đã hoàn thiện hồ sơ thì gửi Giấy biên nhận hồ sơ theo Mẫu ĐK1 ban hành kèm theo Thông tư này đến cơ sở kinh doanh;

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì gửi Thông báo về việc hồ sơ không đủ điều kiện theo Mẫu ĐK3 ban hành kèm theo Thông tư này qua giao liên của đơn vị hoặc dịch vụ bưu chính đến cơ sở kinh doanh;

c) Đối với hồ sơ tiếp nhận qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID):

Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì cán bộ gửi bản điện tử Giấy biên nhận hồ sơ theo Mẫu ĐK1 ban hành kèm theo Thông tư này qua tài khoản của cơ sở kinh doanh trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì cán bộ ghi vào Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo Mẫu ĐK2 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi cho cơ sở kinh doanh qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID). Sau khi cơ sở kinh doanh đã hoàn thiện hồ sơ thì gửi Giấy biên nhận hồ sơ theo Mẫu ĐK1 ban hành kèm theo Thông tư này cho cơ sở kinh doanh qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì cán bộ gửi Thông báo về việc hồ sơ không đủ điều kiện theo Mẫu ĐK3 ban hành kèm theo Thông tư này cho cơ sở kinh doanh qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều 5

"**Điều 5. Trình tự trả Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và lập hồ sơ quản lý**

1. Trường hợp trả trực tiếp, cán bộ thực hiện như sau:

a) Kiểm tra Giấy biên nhận hồ sơ, kiểm tra thẻ căn cước hoặc căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc căn cước điện tử của người được cử đến nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự;

b) Đề nghị người được cử đến nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự ký vào Sổ quản lý cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo Mẫu ĐK10 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Viết biên lai và thu phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp trả qua dịch vụ bưu chính:

a) Đối với hồ sơ nhận trực tiếp hoặc nhận qua dịch vụ bưu chính, cán bộ thực hiện như sau:

Chuyển Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và biên lai thu phí thẩm định cho cơ sở kinh doanh qua dịch vụ bưu chính sau khi đã nhận được tiền phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh. Phí dịch vụ bưu chính do cơ sở kinh doanh chi trả;

b) Đối với hồ sơ tiếp nhận qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), cán bộ thực hiện như sau:

Gửi thông báo cho cơ sở kinh doanh về phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự phải nộp và thời hạn nộp tiền qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID). Trường hợp cơ sở kinh doanh chọn hình thức nộp tiền qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) thì thực hiện theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).

Sau khi cơ sở kinh doanh hoàn thành nộp phí thẩm định thì trả Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự cho cơ sở kinh doanh qua dịch vụ bưu chính. Phí dịch vụ bưu chính do cơ sở kinh doanh chi trả.

3. Trường hợp trả qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID), cán bộ thực hiện như sau:

Trả Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (bản điện tử) qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) cho cơ sở kinh doanh sau khi nhận được phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh.

4. Sau khi hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, cán bộ có trách nhiệm lập và bảo quản hồ sơ theo quy định về chế độ hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.".

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 2

"Mục 2

ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN DỊCH VỤ BẢO VỆ TRÊN NỀN TẢNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN; TRÌNH TỰ SÁT HẠCH, CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ BẢO VỆ"

Điều 12. Bổ sung Điều 7a vào trước Điều 7

"Điều 7a. Đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ trên nền tảng công nghệ thông tin

1. Các cơ sở đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP được đào tạo phần lý thuyết cho nhân viên dịch vụ bảo vệ trên nền tảng công nghệ thông tin khi cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cơ sở đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ có phương tiện điện tử phù hợp, có hệ thống thông tin, nền tảng số đáp ứng yêu cầu đào tạo trên môi trường điện tử và lưu trữ dữ liệu của khóa học;

b) Nhân viên dịch vụ bảo vệ tham gia đào tạo có phương tiện điện tử phù hợp, có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2, có khả năng tiếp cận, tương tác và chấp nhận thực hiện toàn bộ quy trình đào tạo thông qua phương thức điện tử.

2. Giáo trình, chương trình đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 3 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung Điều 9

"Điều 9. Trình tự trả Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ và lập hồ sơ quản lý

Cán bộ được giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định sau:

1. Trường hợp trả trực tiếp

a) Kiểm tra thẻ căn cước hoặc căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc căn cước điện tử của người được cơ sở đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ cử đến nhận Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ;

b) Trả Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ và gửi kèm văn bản thông báo kết quả sát hạch nghiệp vụ bảo vệ cho người được cơ sở đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ cử đến nhận Chứng chỉ;

c) Viết biên lai và thu phí sát hạch cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Trường hợp trả qua dịch vụ bưu chính

Cán bộ được giao trả Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ có trách nhiệm chuyển Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ kèm văn bản thông báo kết quả sát hạch nghiệp vụ bảo vệ và biên lai thu phí sát hạch cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo quy định của Bộ Tài chính cho cơ sở kinh doanh qua dịch vụ bưu chính sau khi đã nhận được tiền phí sát hạch cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ của cơ sở kinh doanh. Phí dịch vụ bưu chính do cơ sở kinh doanh chi trả.

3. Lập hồ sơ sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ để quản lý theo quy định về chế độ hồ sơ hình thành phổ biến trong Công an nhân dân và thực

hiện mỗi cơ sở đào tạo mở một hồ sơ theo dõi việc sát hạch, cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.”.

Điều 14. Bổ sung Điều 9b và Điều 9c vào sau Điều 9a

“Điều 9b. Cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ

1. Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ được cấp đổi trong các trường hợp:

a) Hết thời hạn sử dụng;

b) Bị sai thông tin hoặc có thay đổi nội dung thông tin cá nhân trên Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ;

c) Theo đề nghị của cơ sở kinh doanh.

2. Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất.

3. Trường hợp cấp đổi Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ hết thời hạn sử dụng thì cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ đề nghị cấp đổi và chịu trách nhiệm về các điều kiện đối với nhân viên dịch vụ bảo vệ theo quy định tại khoản 9 Điều 25 và khoản 1 Điều 32 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

4. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo Mẫu ĐK12a ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách nhân viên dịch vụ bảo vệ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo Mẫu ĐK12b ban hành kèm theo Thông tư này;

c) 02 ảnh màu 3x 4 cm (mặc trang phục nhân viên dịch vụ bảo vệ, có đội mũ);

d) Bản chính Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ (trừ trường hợp mất);

đ) Tài liệu khác liên quan (nếu có).

5. Hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này nộp cho Cơ quan Công an có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP.

Điều 9c. Thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, hủy giá trị sử dụng Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giao nộp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ cho cơ quan Công an có thẩm quyền đã cấp trước đó trong các trường hợp sau:

a) Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ hết thời hạn sử dụng;

b) Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ bị hư hỏng, tẩy xóa, sửa chữa;

c) Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ bị mất được tìm thấy sau khi đã bị hủy giá trị sử dụng;

d) Thông tin cá nhân trên Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ bị sai hoặc có thay đổi nội dung;

đ) Sử dụng tài liệu giả, cung cấp các thông tin không đúng để được cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ;

e) Nhân viên dịch vụ bảo vệ không đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 9 Điều 25 và khoản 1 Điều 32 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP;

g) Cho người khác sử dụng Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ;

h) Cấp không đúng thẩm quyền.

2. Thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ

Sau khi tiếp nhận Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều này, cán bộ thực hiện:

a) Kiểm tra, đối chiếu thông tin Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ với hồ sơ, dữ liệu quản lý Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ đã cấp;

b) Hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ đảm bảo sau khi hủy không có khả năng khôi phục;

c) Điền đầy đủ thông tin trên Thông báo thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo Mẫu ĐK17 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo lãnh đạo Phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu trình lãnh đạo Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hoặc chỉ huy Đội có chức năng đăng ký, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu trình lãnh đạo Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh ký Thông báo thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ;

đ) Gửi Thông báo thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đã giao nộp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

3. Hủy giá trị sử dụng Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ

Đối với trường hợp quy định tại các điểm b, đ, e, g và h khoản 1 Điều này mà không thu hồi được Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, thì cơ quan Công an có thẩm quyền ban hành Quyết định hủy giá trị sử dụng Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ theo Mẫu ĐK18 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi Công an các đơn vị, địa phương.”.

Điều 15. Bãi bỏ một số quy định tại Điều 4 và Điều 6

1. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 4 và điểm c khoản 1 Điều 6.

2. Bãi bỏ cụm từ “; lãnh đạo Công an cấp huyện” tại khoản 3 Điều 4.

3. Bãi bỏ cụm từ “, lãnh đạo Công an cấp huyện” tại khoản 3 Điều 6.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 45/2017/TT-BCA NGÀY 20 THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU, THU HỒI VÀ HỦY CON DẤU, HỦY GIÁ TRỊ SỬ DỤNG CON DẤU, KIỂM TRA VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI THÔNG TƯ SỐ 15/2022/TT-BCA VÀ THÔNG TƯ SỐ 03/2024/TT-BCA

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 4

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ:

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: Cán bộ tiếp nhận giao trực tiếp Giấy biên nhận hồ sơ (Mẫu CD1) hoặc Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (Mẫu CD2) hoặc Thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ (Mẫu CD3) cho người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử đến liên hệ nộp hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;

Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID): Cán bộ tiếp nhận gửi Giấy biên nhận hồ sơ hoặc Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ hoặc Thông báo về việc từ chối giải quyết hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID);

Đối với hồ sơ đề nghị đăng ký lại mẫu con dấu; đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; giao nộp con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu: Cán bộ tiếp nhận thông báo cho cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước về việc chuyển con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đã được cấp trước đó (chuyển trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính) cho cơ quan đăng ký mẫu con dấu để thực hiện đăng ký lại hoặc thu hồi theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Trường hợp nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) đối với thủ tục đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu:

Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ và con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu do cơ quan, tổ chức chuyển đến, cán bộ xử lý, tiếp nhận hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và tiến hành kiểm tra, đối chiếu:

Trường hợp mẫu con dấu chưa bị biến dạng, còn rõ nét, đúng theo mẫu thì tiếp nhận con dấu và thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Thông tư này. Sau khi hoàn thành các thủ tục theo quy định, cán bộ xử lý hồ sơ trả lại con dấu cho cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước để tiếp tục sử dụng;

Trường hợp mẫu con dấu đã bị biến dạng, mòn, hỏng, thay đổi chất liệu, không đúng theo mẫu quy định thì hướng dẫn cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước thực hiện thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2026 (sau đây viết gọn là Nghị định số 99/2016/NĐ-CP);”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Cơ quan đăng ký mẫu con dấu gửi thông báo qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) về việc đã bàn giao con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu cho đơn vị dịch vụ bưu chính và

đề nghị cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sau khi nhận kết quả gửi xác nhận qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để cơ quan đăng ký mẫu con dấu biết.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trường hợp trả kết quả Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu (bản điện tử): Cán bộ thông báo và trả Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu (bản điện tử) vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID).”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 11

“d) Đúng thời hạn nộp con dấu theo Thông báo về việc giao nộp con dấu (Mẫu CD7) mà cơ quan, tổ chức, cá nhân giao nộp con dấu thì thực hiện thu hồi con dấu theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không giao nộp con dấu theo Thông báo nêu trên thì cơ quan có thẩm quyền đăng ký mẫu con dấu gửi Thông báo lần 2. Hết thời hạn theo Thông báo lần 2 mà cơ quan, tổ chức, cá nhân không giao nộp con dấu và không có lý do chính đáng thì thực hiện hủy giá trị sử dụng con dấu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin có liên quan về việc không giao nộp con dấu theo Thông báo, cơ quan có thẩm quyền đăng ký mẫu con dấu có văn bản trả lời cơ quan, tổ chức, cá nhân. Trường hợp xác định cơ quan, tổ chức, cá nhân phải nộp lại con dấu theo quy định của pháp luật tiếp tục gửi Thông báo lần 3 về việc giao nộp con dấu, nếu cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện thì hủy giá trị sử d ụng con dấu theo quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12

“1. Lập kế hoạch kiểm tra định kỳ

a) Phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đội có chức năng đăng ký, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu thuộc Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh có trách nhiệm lập kế hoạch kiểm tra định kỳ việc quản lý và sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước thuộc thẩm quyền đăng ký mẫu con dấu trình Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát quản hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh phê duyệt;

b) Nội dung kế hoạch kiểm tra gồm: Căn cứ, lý do, mục đích, yêu cầu kiểm tra, đối tượng, nội dung, thời gian kiểm tra, người tham gia kiểm tra và các nội dung khác có liên quan tới công tác kiểm tra.

Căn cứ yêu cầu thực tiễn, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch.”.

Điều 20. Thay thế cụm từ tại Điều 8, Điều 10, Điều 11 và thay thế biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 45/2017/TT-BCA

1. Thay thế cụm từ "Phòng hướng dẫn quản lý ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và con dấu" bằng cụm từ "Phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu" tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 8.

2. Thay thế cụm từ "Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương" bằng cụm từ "Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh" tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 8, điểm đ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 10, điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 11.

3. Thay thế biểu mẫu CD1, CD2, CD3, CD4, CD5, CD6, CD7, CD8, CD9, CD10, CD11, CD12, CD13 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2017/TT-BCA đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 15/2022/TT-BCA và Thông tư số 03/2024/TT-BCA bằng biểu mẫu CD1, CD2, CD3, CD4, CD5, CD6, CD7, CD8, CD9, CD10, CD11, CD12, CD13 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 21. Bãi bỏ điểm e khoản 3 Điều 4.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

Mẫu CD1 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(1).....
.....(2).....

.....(3)....., *ngày*..... *tháng*..... *năm*.....

GIẤY BIÊN NHẬN HỒ SƠ

(Mã hồ sơ: .....)

Họ và tên cán bộ tiếp nhận hồ sơ: .....
Cấp bậc, chức vụ: .....
Đã tiếp nhận hồ sơ của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....
.....
Địa chỉ của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....
.....
Điện thoại: .....
Nội dung yêu cầu giải quyết: (4) .....
Hồ sơ gồm: (5) .....
- .....
- .....
- .....
- .....
Họ và tên người nộp hồ sơ: .....
Số Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu: (6) .....
Ngày cấp: ...../...../.....; cơ quan cấp: .....
Thời gian tiếp nhận hồ sơ: ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....
Thời gian hẹn trả kết quả: ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ	**CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (2) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ; (3) Địa danh nơi tiếp nhận hồ sơ; (4) Ghi rõ nội dung yêu cầu giải quyết thủ tục về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước; (5) Ghi đầy đủ văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã tiếp nhận; (6) Ghi đầy đủ số Căn cước hoặc số Căn cước công dân hoặc số Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người được cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước cử đến nộp hồ sơ.

Mẫu CD2 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

..... (1) .....
..... (2) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../HDHS

.... (3) ....., *ngày* ..... *tháng* ..... *năm*.....

PHIẾU HƯỚNG DẪN HOÀN THIỆN HỒ SƠ

Họ và tên cán bộ hướng dẫn hồ sơ: .....

Cấp bậc, chức vụ: .....

Đã tiếp nhận hồ sơ của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....

.....

Địa chỉ cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....

.....

Điện thoại: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết (4): .....

.....

Qua kiểm tra hồ sơ và đối chiếu quy định tại Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP, thì hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định.

Đề nghị cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước bổ sung hồ sơ (5):

- .....
- .....
- .....
- .....
- .....

Thời hạn hoàn thiện hồ sơ trong 05 ngày làm việc kể từ ngày: ..... /..... /.....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước liên hệ số điện thoại: ..... để được hướng dẫn./.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (2) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ; (3) Địa danh nơi hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; (4) Ghi nội dung yêu cầu giải quyết thủ tục về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước; (5) Ghi đầy đủ văn bản, giấy tờ còn thiếu theo quy định để hoàn thiện hồ sơ.

Mẫu CD3 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……..… (1) ……..
……..… (2) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TCHS

.... (3) ....., *ngày* ..... *tháng* ..... *năm*.....

THÔNG BÁO
Về việc từ chối giải quyết hồ sơ
(Mã hồ sơ: ……..)

Kính gửi: ..... (4) .....

Vào hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm ……..……
(2).....
đã tiếp nhận hồ sơ của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....
.....
Địa chỉ cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....
.....
Điện thoại: .....
Nội dung yêu cầu giải quyết (5) .....
.....

Sau khi kiểm tra hồ sơ và đối chiếu quy định tại Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP,

(2) .....

từ chối giải quyết hồ sơ của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước.

Lý do từ chối giải quyết hồ sơ: .....
.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: ……..…....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (2) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ; (3) Địa danh nơi ban hành thông báo; (4) Ghi tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước yêu cầu giải quyết thủ tục về con dấu; (5) Ghi nội dung yêu cầu giải quyết thủ tục về con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước.

Mẫu CD4 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../CMCD

.....(3)....., *ngày*..... *tháng*.....*năm*.....

PHIẾU CHUYỂN MẪU CON DẤU

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

Căn cứ hồ sơ đăng ký mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....

(2) .....

chuyển mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....
.....

Nội dung mẫu con dấu (4): .....
.....
.....
.....
.....

Đến cơ sở sản xuất con dấu (5): .....
để sản xuất con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước theo quy định.

Địa chỉ cơ sở sản xuất con dấu: .....

Điện thoại: .....

Thời gian hoàn thành (6): ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Sau khi hoàn thành sản xuất con dấu, cơ sở sản xuất con dấu phải giao trực tiếp con dấu và Phiếu chuyển này cho cơ quan đã cung cấp để đăng ký mẫu con dấu theo quy định.

NGƯỜI NHẬN *(Ký, ghi họ và tên)*	..... (7) ..... *(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý; (2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (3) Địa danh nơi ban hành phiếu chuyển; (4) Ghi hình thức, kích thước, nội dung thông tin trong con dấu, cụ thể: Xung quanh vành ngoài con dấu hoặc vành ngoài phía trên con dấu, vành ngoài phía dưới con dấu; nội dung giữa con dấu hoặc có mẫu con dấu minh họa; (5) Ghi tên cơ sở sản xuất con dấu đã được cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước nộp hồ sơ; (6) Ghi thời gian, ngày, tháng, năm cơ sở sản xuất con dấu phải hoàn thành việc sản xuất con dấu; (7) Chức vụ người ký phiếu chuyển.

Mẫu CD5 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……(1)……
……(2)……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

…… (3)……, *ngày*…… *tháng*……*năm*……

BIÊN BẢN
CUNG CẤP MẪU CON DẤU GIÁM ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của cơ quan giám định (4): ……

Vào hồi …… giờ …… ngày …… tháng …… năm ……

…… (2) ……cung cấp mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: ……

MẪU CON DẤU (5)

Họ và tên người nhận mẫu con dấu: ……

Số Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu (6): ……

Ngày cấp: ……/……/……; Cơ quan cấp: ……

Thời gian hoàn thành giám định (7): …… giờ …… ngày …… tháng …… năm ……

Sau khi hoàn thành giám định, cơ quan giám định phải trả lại Biên bản cung cấp mẫu con dấu cho cơ quan nơi cung cấp để lưu hồ sơ.

NGƯỜI NHẬN	…… (8) ……
(Ký, ghi họ và tên)	*(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)*

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý; (2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (3) Địa danh nơi cung cấp; (4) Ghi tên cơ quan và số văn bản đề nghị cung cấp mẫu giám định; (5) Cắt 01 mẫu (tại phần lưu hồ sơ) Giấy CNĐK mẫu dấu; (6) Ghi đầy đủ số Căn cước hoặc số Căn cước công dân hoặc số Hộ chiếu của người được cơ quan giám định cử đến liên hệ nhận mẫu con dấu; (7) Ghi giờ, ngày, tháng, năm cơ quan giám định phải hoàn thành việc giám định mẫu con dấu; (8) Chức vụ người ký Biên bản cung cấp mẫu con dấu giám định.

Mẫu CD6 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Về việc quản lý và sử dụng con dấu

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

Căn cứ (3) .....

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra về việc quản lý và sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....

Địa chỉ cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....

Điện thoại: .....

Thành phần Đoàn kiểm tra (4), gồm:

- .....
- .....
- .....

Đại diện cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (5), gồm:

- .....
- .....
- .....

1. Tình hình, kết quả kiểm tra

- Công tác quản lý và sử dụng con dấu (6): .....
.....
.....

- Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu (7): .....
.....
.....

- Tình trạng con dấu đang sử dụng (8): .....
.....
.....

- Phát hiện hành vi vi phạm (9): .....
.....
.....
.....

MẪU CON DẤU ĐANG SỬ DỤNG (10)

2. Ý kiến của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước

.....
.....
.....
.....
.....

3. Nhận xét, kiến nghị của Đoàn kiểm tra

.....
.....
.....
.....
.....

Buổi kiểm tra kết thúc hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Biên bản kiểm tra được lập thành ..... bản, đọc lại cho mọi người tham gia cùng nghe, công nhận là đúng và ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CHỨC DANH NHÀ NƯỚC *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA *(Ký, ghi rõ họ tên)*	CÁN BỘ LẬP BIÊN BẢN *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý; (2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (3) Ghi tên văn bản, giấy tờ liên quan đến yêu cầu kiểm tra việc quản lý và sử dụng con dấu; (4) Ghi cấp bậc, chức vụ, họ và tên của thành viên trong Đoàn kiểm tra; (5) Ghi chức vụ, họ tên của người được cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu cử làm việc với Đoàn kiểm tra; (6) Ghi tình hình, kết quả kiểm tra về quản lý và sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước; (7) Ghi số Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; ngày, tháng, năm cấp và tên cơ quan cấp; (8) Ghi thực trạng mẫu con dấu đang sử dụng và đối chiếu mẫu con dấu theo quy định hiện hành; (9) Ghi các hành vi vi phạm về quản lý và sử dụng con dấu (nếu có); (10) Đóng 01 mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước đang sử dụng tại thời điểm kiểm tra.

Mẫu CD7 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-...(3).....	.....(4)....., *ngày*..... *tháng*.....*năm*.....

THÔNG BÁO
Về việc giao nộp con dấu

Kính gửi: (5) .....

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

(2) .....
thông báo về việc nộp con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....
.....

Lý do giao nộp con dấu: (6) .....
.....

Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân: .....
..... nộp con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước nêu trên để thu hồi con dấu theo quy định.

Thời gian nộp con dấu: (7) ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Địa chỉ nộp con dấu: .....

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân không nộp con dấu theo đúng thời hạn tại Thông báo này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:	(8)..... *(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)*
- .....; - .....; - Lưu:	

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý; (2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (3) Phiên hiệu cơ quan ban hành Thông báo; (4) Địa danh nơi ban hành Thông báo; (5) Ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phải giao nộp con dấu; (6) Ghi lý do phải giao nộp con dấu thuộc các trường hợp thu hồi con dấu theo quy định; (7) Ghi ngày nộp con dấu cách ngày phát hành Thông báo về việc giao nộp con dấu là 07 ngày làm việc; (8) Chức vụ người ký Thông báo.

Mẫu CD8 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……(1)……
……..…(2).....

Số: …… /BC- ...(3).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(4) ……, *ngày* ..... *tháng* ..... *năm*.....

BÁO CÁO
Về việc đăng ký, quản lý con dấu

(Từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....) (5)

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐĂNG KÝ CON DẤU

STT	PHÂN LOẠI CON DẤU	ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU								THU HỒI CON DẤU/HỦY GIÁ TRỊ SD CON DẤU			
		TỔNG SỐ	ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU MỚI	ĐĂNG KÝ DẤU NỔI, THU NHỎ, DẤU XI	ĐĂNG KÝ THÊM CON DẤU	ĐĂNG KÝ LẠI MẪU CON DẤU			ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU	TỔNG SỐ	CON DẤU BỊ MÒN, HỎNG, THAY ĐỔI CHẤT LIỆU	DO THAY ĐỔI TỔ CHỨC, ĐỔI TÊN, GIẢI THỂ	CON DẤU BỊ MẤT
						CON DẤU BỊ MÒN, HỎNG, THAY ĐỔI CHẤT LIỆU	CON DẤU BỊ MẤT	DO THAY ĐỔI TỔ CHỨC, ĐỔI TÊN					
1	Con dấu có hình Quốc huy:												
	- Hội đồng nhân dân												
	- Ủy ban nhân dân												
	- Đoàn đại biểu Quốc hội												
	- Viện kiểm sát nhân dân												
	- Tòa án nhân dân												
	- Cơ quan thi hành án dân sự												
2	Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng CSVN												
3	Công an nhân dân												
4	Cơ quan chuyên môn												
5	Tổ chức sự nghiệp												
6	Tổ chức chính trị - xã hội												
	- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam												
	- Hội Cựu chiến binh Việt Nam												

	- Công đoàn Việt Nam												
	- Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam												
	- Hội Nông dân Việt Nam												
	- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh												
7	Tổ chức hội												
8	Tổ chức phi chính phủ												
9	Tổ chức tôn giáo												
10	Tổ chức bầu cử ở địa phương												
11	Doanh nghiệp, Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng phát triển Việt Nam												
12	Tổ chức trực thuộc doanh nghiệp, Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng phát triển Việt Nam												
13	Tổ chức chỉ huy quân sự cơ sở												
14	Tổ chức nước ngoài tại Việt Nam												
15	Tổ chức khác												
Tổng cộng													

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CON DẤU

Tổng số con dấu đang quản lý đến thời điểm báo cáo	Tổng số hồ sơ đã số hóa/ scan đến thời điểm báo cáo	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, VneID trong kỳ báo cáo	Xử phạt vi phạm hành chính						Công tác kiểm tra								Tổng số vụ việc liên quan đến con dấu	Số mẫu dấu cung cấp cho cơ quan giám định
			Số trường hợp					Số tiền nộp phạt	Tổng số cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước kiểm tra	Tổng số con dấu kiểm tra	Kết quả kiểm tra				Xử phạt trong quá trình kiểm tra			
			Mất con dấu	Không thực hiện thủ tục xin cấp lại GCN ĐKMCD	Không đăng ký lại mẫu con dấu theo quy định của pháp luật	Khác	Tổng số vụ				Con dấu mòn mờ	Mất Giấy CN ĐKMCD	Con dấu hết giá trị sử dụng	Kết quả khác	Tổng số vụ	Số tiền		

Nội dung vụ việc liên quan đến con dấu (6) *(nếu có)*

.....

.....

.....

Tình hình, kết quả cung cấp mẫu con dấu phục vụ công tác giám định *(nếu có)*

.....

.....

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (7)

.....

.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: .....

(8).....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý; (2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (3) Phiên hiệu cơ quan ban hành báo cáo; (4) Địa danh nơi ban hành báo cáo; (5) Ghi ngày, tháng, năm theo mốc báo cáo Quý I tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước đến hết ngày cuối cùng của tháng 02 năm báo cáo; Quý II tính từ ngày 01 tháng 3 đến hết ngày 31 tháng 5; Quý III tính từ ngày 01 tháng 6 đến hết ngày 31 tháng 8; Quý IV tính từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 30 tháng 11 (Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an cấp tỉnh gửi báo cáo về Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trước ngày 08 tháng 3 của Quý I; 08 tháng 6 của Quý II; 08 tháng 9 của Quý III; 08 tháng 12 của Quý IV); (6) Ghi vụ việc đã xảy ra và kết quả xử lý giải quyết liên quan đến quản lý và sử dụng con dấu; (7) Ghi đầy đủ nội dung kiến nghị, đề xuất trong quá trình thực hiện công tác đăng ký, quản lý con dấu; (8) Chức vụ người ký báo cáo.

Mẫu CD9 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..... /QĐ- .....(3)....	...(4)....., *ngày*..... *tháng*.....*năm*.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy giá trị sử dụng con dấu

...(5).....

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy giá trị sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước: .....
.....

Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu số: .....
ngày cấp: ...../...../..... Cơ quan cấp: .....

Lý do hủy: (6) .....
.....

MẪU CON DẤU BỊ HỦY (7)

Điều 2. Tổ chức, cá nhân nào sử dụng con dấu, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu bị hủy theo Quyết định này là hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... / ..... / .....

Điều 4. ..... (8) ..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	(9) .....
- Như Điều 4;	*(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)*
- .....;	
- Lưu:	

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý; (2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (3) Phiên hiệu cơ quan ban hành Quyết định; (4) Địa danh nơi ban hành Quyết định; (5) Chức vụ của người có thẩm quyền ban hành Quyết định; (6) Ghi lý do hủy giá trị sử dụng con dấu thuộc các trường hợp theo quy định; (7) Cắt 01 mẫu (tại phần lưu hồ sơ) Giấy Chứng nhận đăng ký mẫu con dấu; (8) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định; (9) Chức vụ người ký Quyết định.

Mẫu CD10 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN

.....

SỔ ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU

Quyển số: ..... năm .....
Từ ngày .....tháng..... năm .....
Đến ngày ..... tháng..... năm .....

CHÚ Ý

1. Sổ này dùng để theo dõi quá trình đăng ký lưu chiểu mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước. Do đó phải ghi đầy đủ chính xác các nội dung cột mục, mẫu dấu lưu đóng rõ nét.

2. Sổ đăng ký mẫu con dấu phải được viết liên tục theo thứ tự từng trang, không được bỏ trống, phải ghi đầy đủ, rõ ràng nội dung ở các trang; mỗi trang chỉ được phép dùng để đăng ký lưu chiểu mẫu con dấu của một cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước. Sau khi sử dụng hết số thứ tự trong một trang thì mới được đăng ký lưu chiểu mẫu con dấu sang trang mới; cụ thể:

- Cột số (3): Ghi tên, địa chỉ, số điện thoại của cơ sở sản xuất con dấu được ghi trong Phiếu chuyển mẫu con dấu;
- Cột số (4): Ghi kích thước con dấu được đăng ký;
- Cột số (5): Ghi các đặc điểm đã lấy trên bề mặt con dấu;
- Cột số (6): Đóng 02 mẫu con dấu sau khi đã lấy đặc điểm trên bề mặt con dấu;
- Cột số (7): Ghi số, ngày, tháng, năm cấp.

3. Sổ phải được bảo quản theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

4. Không được cắt mẫu con dấu đã được lưu chiểu ra khỏi sổ.

Mẫu CD10 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN

.....

SỔ ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU

Quyển số: ..... năm .....
Từ ngày .....tháng..... năm .....
Đến ngày ..... tháng..... năm .....

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CHỨC DANH NHÀ NƯỚC SỬ DỤNG CON DẤU:
……...……

STT	HỌ VÀ TÊN NGƯỜI NỘP HỒ SƠ	CƠ SỞ SẢN XUẤT CON DẤU	KÍCH THƯỚC	ĐẶC ĐIỂM
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
3				
4				

ĐỊA CHỈ: ……..……..……..……..…..……..…… ĐIỆN THOẠI: ……..……..

MẪU CON DẤU ĐĂNG KÝ LƯU CHIỂU	**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU**	**CÁN BỘ ĐĂNG KÝ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*
(6)	(7)	(8)

Tờ số: .....

Mẫu CD11 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN

.....

SỔ GIAO, NHẬN CON DẤU MỚI

Quyển số: ..... năm .....
Từ ngày .....tháng..... năm .....
Đến ngày ..... tháng..... năm .....

CHÚ Ý

1. Sổ này dùng để theo dõi quá trình giao nhận con dấu mới của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước. Do đó phải ghi đầy đủ, chính xác nội dung các cột mục, mẫu dấu lưu đóng rõ nét.

2. Cột số (1): Ghi theo số thứ tự 01 đến số cuối cùng trong một năm theo thứ tự con dấu mới;

- Cột số (2): Ghi ngày, tháng, năm trả con dấu mới;
- Cột số (3): Đóng 01 mẫu con dấu sau khi đã lấy đặc điểm trên bề mặt con dấu;
- Cột số (4): Ghi số; ngày, tháng, năm cấp.

3. Sổ phải được bảo quản theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Mẫu CD11 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN

.....

SỔ GIAO, NHẬN CON DẤU MỚI

Quyển số: ..... năm .....
Từ ngày .....tháng..... năm .....
Đến ngày ..... tháng..... năm .....

STT	NGÀY TRẢ DẤU	MẪU CON DẤU MỚI *(Đóng 01 mẫu con dấu)*	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU	CÁN BỘ GIAO DẤU *(Ký, ghi rõ họ tên)*	NGƯỜI NHẬN DẤU *(Ký, ghi rõ họ tên)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Tờ số:................

Mẫu CD12 ban hành kèm theo

Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN

.....

SỔ GIAO, NHẬN CON DẤU THU HỒI

Quyển số: ..... năm .....
Từ ngày .....tháng..... năm .....
Đến ngày ..... tháng..... năm .....

CHÚ Ý

1. Sổ này dùng để theo dõi quá trình giao nhận con dấu thu hồi của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước. Do đó phải ghi đầy đủ, chính xác nội dung các cột mục, mẫu dấu lưu đóng rõ nét.

2. Cột số (1): Ghi theo số thứ tự 01 đến số cuối cùng trong một năm theo thứ tự con dấu thu hồi;

- Cột số (2): Ghi ngày, tháng, năm thu hồi con dấu;
- Cột số (3): Đóng 01 mẫu con dấu khi thu hồi con dấu;
- Cột số (4): Ghi số; ngày, tháng, năm cấp; cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu thu hồi.

3. Sổ phải được bảo quản theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Mẫu CD12 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ CÔNG AN

.....

SỔ GIAO, NHẬN CON DẤU THU HỒI

Quyển số: ..... năm .....
Từ ngày .....tháng..... năm .....
Đến ngày ..... tháng..... năm .....

STT	NGÀY THU HỒI	MẪU CON DẤU KHI THU HỒI *(Đóng 01 mẫu con dấu)*	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ MẪU CON DẤU	CÁN BỘ NHẬN DẤU *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	NGƯỜI GIAO DẤU *(Ký, ghi rõ họ và tên)*
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Tờ số: ....

Mẫu CD13 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……(1)……..……
…… (2)……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../PGN-….(3)….

PHIẾU GIAO NHẬN BƯU PHẨM

I. Tên cơ quan, đơn vị gửi bưu phẩm: ……(2)……...
- Đại diện Ông/bà: ……. Số điện thoại: ……
- Chức vụ, chức danh: ……..

Bưu phẩm gồm có:
1…….(4)……
2……

(Ký, ghi rõ họ tên)

II. Dịch vụ bưu chính:
…….. (5)……
- Đại diện Ông/bà: ……..Số điện thoại: ……
- Số Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu: ……
- Ngày cấp: ...../……../……..…; Cơ quan cấp: ……
- Chức vụ, chức danh: ……
- Thời gian nhận chuyển bưu phẩm: ..... giờ..... ngày …… /……/……..

(Ký, ghi rõ họ tên)

III. Tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước nhận bưu phẩm:
..... (6) .....
- Địa chỉ: ……
- Họ và tên người nhận: ……. Số điện thoại: ……
- Số Căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu: ……
- Ngày cấp: ...../……../……..…; Cơ quan cấp: ……
- Chức vụ, chức danh: ……
- Thời gian nhận bưu phẩm: ……. giờ …….. ngày……../……/……....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
Phiếu Giao nhận bưu phẩm do cơ quan đăng ký mẫu con dấu lập và giao cho nhân viên bưu chính, khi nhận bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu kiểm tra niêm phong, ký nhận và gửi lại nhân viên bưu chính chuyển cho cơ quan đăng ký mẫu con dấu lưu hồ sơ.(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý (Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội hoặc Công an tỉnh, thành phố); (2) Tên cơ quan đăng ký mẫu con dấu; (3) Phiên hiệu cơ quan ban hành phiếu giao nhận bưu phẩm; (4) Liệt kê cụ thể bưu phẩm giao nhận kèm theo; (5) Tên đơn vị cung cấp dịch vụ bưu chính; (6) Tên cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước sử dụng con dấu.

Mẫu ĐK1 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……..(1)…….
…....…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(3) ……....., *ngày*..... *tháng*.....*năm*.....

BIÊN NHẬN HỒ SƠ
Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
(Mã hồ sơ: .....)

Tên cán bộ tiếp nhận hồ sơ:…….....

Tiếp nhận 01 bộ hồ sơ của cơ sở kinh doanh: .....…….....

.....

Địa chỉ cơ sở kinh doanh:.....

Địa điểm kinh doanh: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....…….....

.....

Hình thức tiếp nhận: (4) .....

Họ và tên người nộp hồ sơ: (5) .....

CC/CCCD/Hộ chiếu:.....

Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp: .....

1. Hồ sơ nộp, gồm:

- .....

- .....

- .....

- .....

2. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

3. Thời gian hẹn trả kết quả: ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

4. Nơi nhận kết quả: (6) ...../.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ (5)	**CÁN BỘ TIẾP NHẬN HỒ SƠ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi cấp bậc, họ tên)*

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; (2) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ; (3) Địa danh nơi nhận hồ sơ; (4) Trực tiếp/trực tuyến/dịch vụ bưu chính; (5) Ghi trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; (6) Ghi rõ tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) nếu trả Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT bản điện tử; địa chỉ nơi nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT bản giấy.

Mẫu ĐK2 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
…...…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(3) ……..…, *ngày*..... *tháng*.....*năm*……...…

PHIẾU HƯỚNG DẪN HOÀN THIỆN HỒ SƠ
Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự
(Mã hồ sơ: .....)

Tên cơ sở kinh doanh nộp hồ sơ: .....
.....

Địa chỉ cơ sở kinh doanh:.....

Địa điểm kinh doanh: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....
.....

Sau khi kiểm tra hồ sơ và đối chiếu các quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP, đề nghị cơ sở kinh doanh hoàn thiện hồ sơ, bổ sung các văn bản, tài liệu sau:

1. .....
2. .....
3. .....
4. .....

Lý do đề nghị hoàn thiện hồ sơ: .....
.....

Thời hạn hoàn thiện hồ sơ trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày ...../...../.....

Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ số điện thoại: ..... để được hướng dẫn./.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN
(Ký, ghi cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; (2) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ; (3) Địa danh nơi hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

Mẫu ĐK3 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
…...…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....(3) ……..…, *ngày*..... *tháng*.....*năm*……...…

THÔNG BÁO
Về việc hồ sơ không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

(Mã hồ sơ: .....)

Kính gửi: .....

Ngày ..... tháng ..... năm....., ...(2) .....

Địa chỉ trụ sở: ……..…...……...…….....
.....

Đã tiếp nhận 01 bộ hồ sơ của cơ sở kinh doanh: …….....
.....

Địa chỉ cơ sở kinh doanh:..... .....

Địa điểm kinh doanh: .....

Nội dung yêu cầu giải quyết: .....
.....

Hình thức tiếp nhận:..... (4).....

Sau khi kiểm tra hồ sơ và đối chiếu các quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

…….....(2).....

thông báo cơ sở kinh doanh biết về việc hồ sơ không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

Lý do: .....
.....
.....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: …….....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN
(Ký, ghi cấp bậc, họ tên)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; (2) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ; (3) Địa danh nơi lập Thông báo; (4) Trực tiếp/trực tuyến/dịch vụ bưu chính.

Mẫu ĐK4a ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
…...……(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PXM - (4) ....(3) ……..…, *ngày*..... *tháng*……...*năm*……...…

PHIẾU XÁC MINH
Lý lịch của người chịu trách nhiệm
về an ninh, trật tự là người Việt Nam ở trong nước

Kính gửi: .....

Thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

..... (2) .....đề nghị xác minh ông/bà: .....; Nam/Nữ: .....

Sinh ngày ..... tháng ..... năm .....

CC/CCCD/ Hộ chiếu số: .....; ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Chức vụ/Chức danh trong cơ sở kinh doanh: .....

Tên cơ sở kinh doanh: .....

Ngành, nghề đầu tư kinh doanh: (5) .....
.....

Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....

Địa điểm kinh doanh: .....

(Các tài liệu gửi kèm theo, gồm: .....
.....
.....*)*

NỘI DUNG XÁC MINH

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự không?

2. Có bị khởi tố hình sự mà các cơ quan tố tụng của Việt Nam hoặc của nước ngoài đang tiến hành điều tra, truy tố, xét xử không?

3. Có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác do lỗi cố ý bị kết án từ trên 03 năm tù trở lên mà chưa được xóa án tích hay không?

4. Có đang trong thời gian được tạm hoãn chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; đang trong thời gian thi hành hình

phạt tù nhưng được hưởng án treo; đang bị quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự theo quyết định của Tòa án hay không?

5. Có đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, đặc khu; có quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong thời gian chờ thi hành quyết định; đang nghiện ma túy; đang được tạm hoãn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đã bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nhưng chưa đủ thời hạn để được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hay không?

Kết quả xác minh đề nghị các đồng chí gửi về: (2) ..... trước ngày ...../ ..... /.....

Lãnh đạo cơ quan Công an đề nghị xác minh
(Ký, ghi cấp bậc, chức vụ, họ tên, đóng dấu)

KẾT QUẢ XÁC MINH
(của Công an xã, phường, đặc khu)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., *ngày* ..... *tháng* ..... *năm* .....

Chỉ huy Công an trả lời xác minh
(*Ký, ghi cấp bậc, chức vụ, họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp; (2) Tên cơ quan Công an đề nghị xác minh; (3) Địa danh nơi lập phiếu xác minh; (4) Ký hiệu, viết tắt của cơ quan Công an đề nghị xác minh; (5) Tên ngành, nghề theo Điều 3 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Mẫu ĐK4b ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
…...……(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PXM - (4) ....(3) ……..…, *ngày*..... *tháng*……..*năm*……..…

PHIẾU XÁC MINH
Lý lịch của người chịu trách nhiệm về ANTT là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu nước ngoài

Kính gửi: .....

Thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

..... (2) ..... đề nghị xác minh ông/bà: .....Nam/Nữ: .....

Sinh ngày ..... tháng ..... năm .....Quốc tịch: .....

Hộ chiếu số: .....; ngày cấp: .....

Cơ quan cấp: .....

Địa chỉ cư trú tại nước ngoài: .....

Địa chỉ cư trú hiện tại: .....

Chức vụ trong cơ sở kinh doanh: .....

Tên cơ sở kinh doanh: .....

Ngành, nghề đầu tư kinh doanh: (4) .....

Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....

(Các tài liệu gửi kèm theo, gồm: .....
.....
.....*)*

NỘI DUNG XÁC MINH

1. Thông tin về người nước ngoài như trên và trong các tài liệu gửi kèm theo có đúng không?

2. Có thuộc diện theo dõi, quản lý nghiệp vụ của cơ quan Công an Việt Nam không?

3. Có vi phạm pháp luật trong thời gian cư trú tại Việt Nam không?

Kết quả xác minh đề nghị gửi trả lại: (2) .....

trước ngày ...../ ..... /.....

Lãnh đạo cơ quan Công an đề nghị xác minh
(Ký, ghi cấp bậc, chức vụ, họ tên, đóng dấu)

KẾT QUẢ XÁC MINH
(của cơ quan Công an có thẩm quyền)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....
Lãnh đạo cơ quan Công an trả lời xác minh
(*Ký, ghi cấp bậc, chức vụ, họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp; (2) Tên cơ quan Công an đề nghị xác minh; (3) Ký hiệu, viết tắt của cơ quan Công an đề nghị xác minh; (4) Tên ngành, nghề theo Điều 3 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Mẫu ĐK5a ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……..…(1)…….
…...……...(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

Thực hiện:(3) ……..…….…….....

Vào hồi .....giờ..... ngày.....tháng ..... năm .....

Tại cơ sở kinh doanh: .....

Địa chỉ: .....

. **Thành phần đoàn/tổ kiểm tra gồm:**

- Họ tên: ……..; Cấp bậc: ……..……..; Chức vụ: ……

- .....

-.....

Đã tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định, điều kiện về an ninh, trật tự đối với cơ sở kinh doanh trên đang hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh: ..... (4) .....

Đại diện cơ sở kinh doanh:

- Ông/bà: ……..……..; Chức vụ/Chức danh: ……

- .....

I. Nội dung và kết quả kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra *(kiểm tra hồ sơ pháp lý, tài liệu liên quan; kiểm tra thực tế tại cơ sở kinh doanh)*

.....
.....
.....

2. Kết quả kiểm tra

.....
.....

II. Phát hiện vi phạm, tồn tại

.....
.....

III. Ý kiến của cơ sở kinh doanh

.....
.....
.....
.....

IV. Kết luận và kiến nghị của cơ quan Công an

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... đã đọc lại cho những người có tên trong biên bản này cùng nghe, công nhận đúng và đại diện ký tên dưới đây.

Biên bản lập thành ..... bản và giao lại cho cơ sở kinh doanh một bản để tổ chức thực hiện./.

Đại diện cơ sở kinh doanh	**Đại diện đoàn/tổ kiểm tra**	**Cán bộ ghi biên bản**
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu - nếu có)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp; (2) Tên cơ quan Công an tổ chức kiểm tra; (3) Văn bản hoặc ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo có thẩm quyền; (4) Tên ngành, nghề theo Điều 3 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Mẫu ĐK5b ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
…...…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HẬU KIỂM
Đối với cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự

Căn cứ quy định về thực hiện chế độ hậu kiểm tại khoản 4 Điều 46 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Vào hồi .....giờ..... ngày.....tháng ..... năm .....

Tại cơ sở kinh doanh: .....

Địa chỉ: .....

Thành phần tổ hậu kiểm gồm:

- Họ tên: ……..; Cấp bậc: ……..……; Chức vụ: ……

- .....

-.....

Đã tiến hành hậu kiểm các điều kiện về an ninh, trật tự đối với cơ sở kinh doanh trên đã được cơ quan Công an: ..... cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số: ....., ngày ..... tháng ..... năm ..... để hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh: .....

Đại diện cơ sở kinh doanh:

- Ông/bà: ……..…..; Chức vụ/Chức danh: ……...

- .....

- .....

I. Nội dung hậu kiểm

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

II. Kết quả hậu kiểm

.....

.....
.....
.....
.....

III. Ý kiến của cơ sở kinh doanh

.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. Kết luận và kiến nghị của cơ quan Công an

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản lập xong hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... đã đọc lại cho những người có tên trong biên bản này cùng nghe, công nhận đúng và đại diện ký tên dưới đây.

Biên bản lập thành ..... bản và giao lại cho cơ sở kinh doanh một bản để tổ chức thực hiện./.

Đại diện cơ sở kinh doanh	**Đại diện tổ hậu kiểm**	**Cán bộ ghi biên bản**
(Ký, ghi rõ họ tên đóng dấu - nếu có)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp; (2) Tên cơ quan Công an tổ chức hậu kiểm.

Mẫu ĐK6 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)……
…...…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ- (4) ....(3) ……..…, *ngày*..... *tháng*……..*năm*……..…

QUYẾT ĐỊNH
Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

Căn cứ: ….....

Tôi:.....; Cấp bậc, chức vụ:.....

Đơn vị: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với:

Cơ sở kinh doanh:.....

Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....

Địa điểm kinh doanh:.....

Ngành, nghề đầu tư kinh doanh:.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số ...../GCN.....

Ngày cấp: .....; Cơ quan cấp: .....

Người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự:.....

- Lý do thu hồi:.....

- Việc thu hồi áp dụng theo quy định tại: (5) .....

.....

- Biện pháp bổ sung khác (nếu có):.....

.....

- Thời hạn thu hồi:..... *(không có thời hạn hoặc có thời hạn)*

Kể từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

- Trong thời hạn thu hồi quy định tại Điều này thì Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự không có giá trị sử dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng ..... năm .....

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho cơ sở kinh doanh có tên tại Điều 1 để chấp hành.

2. Giao .... (6)..... để tổ chức thực hiện.

3. Gửi cho: ..... (7) ..... để phối hợp trong công tác quản lý./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Quyết định này đã giao cho cơ sở kinh doanh
lúc.....giờ.....ngày...../...../.....
(Người nhận ký, ghi họ tên, chức danh/chức vụ, đóng dấu - nếu có)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp; (2) Tên cơ quan Công an của người ra quyết định thu hồi; (3) Địa danh nơi ra Quyết định; (4) Ký hiệu viết tắt cơ quan Công an của người ra quyết định thu hồi; (5) Điểm, khoản, điều… của văn bản pháp luật quy định về việc thu hồi; (6) Trưởng phòng Phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu/Đội trưởng đội có chức năng đăng ký, quản lý vũ khí, VLN, CCHT, các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu/Cán bộ (đối với Công an cấp xã); (7) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (cơ quan đăng ký kinh doanh; đơn vị nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân...)

Mẫu ĐK7 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

…….(1)…….
….....…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ- (4)

.... (3) ....., *ngày*..... *tháng*.....*năm*.....

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Hội đồng sát hạch nghiệp vụ bảo vệ

…….. (5)…….

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Căn cứ …… (6) ……;

Theo đề nghị của cơ cơ sở đào tạo nhân viên dịch vụ bảo vệ: .....

…….....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng sát hạch nghiệp vụ bảo vệ cho nhân viên dịch vụ bảo vệ Khóa ...../ ..... do..... tổ chức đào tạo, gồm các đồng chí có tên dưới đây:

- Họ tên: ……..; Cấp bậc: ……...……..; Chức vụ: ……..;

- .....;

-.....

Điều 2. Hội đồng sát hạch có trách nhiệm tổ chức sát hạch nghiệp vụ bảo vệ và cấp Chứng chỉ cho nhân viên dịch vụ bảo vệ theo quy định.

Điều 3. Hội đồng sát hạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Cơ sở đào tạo nhân viên DVBV;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi cấp bậc, chức vụ, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp; (2) Tên cơ quan Công an của người ký Quyết định; (3) Địa danh nơi ban hành Quyết định; (4) Ký hiệu viết tắt cơ quan Công an của người ký Quyết định; (5) Cục trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH/Trưởng phòng Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH; (6) Ghi rõ số, tên, ngày, tháng, năm ban hành văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan sát hạch.

Mẫu ĐK8 ban hành kèm theo kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……(1)……..

.....(2).....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ
CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ

(Quý ... từ ngày .... tháng ..... năm ..... đến ngày .... tháng ..... Năm .....)

Kính gửi: .....

I. Tình hình, kết quả theo loại ngành, nghề đầu tư kinh doanh

Số TT	Phân tích / Loại ngành, nghề đầu tư kinh doanh	Cơ sở kinh doanh							Người làm trong cơ sở kinh doanh									Thẩm quyền quản lý			Số lượt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT				Cộng tác viên bí mật	Số lượt thanh tra, kiểm tra	Số vụ vi phạm									Xử lý vi phạm							
		Tổng số	Doanh nghiệp		Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	Đơn vị sự nghiệp có thu	Hộ kinh doanh	Chi nhánh và cơ sở kinh doanh trực thuộc	Tổng số	Trong đó		Doanh nghiệp		Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	Đơn vị sự nghiệp có thu	Hộ kinh doanh	Chi nhánh và cơ sở kinh doanh trực thuộc				Tổng số	Cấp mới	Cấp đổi	Cấp lại			Tổng số	Cơ sở kinh doanh vi phạm							Khách vi phạm	Tổng số	Xử lý hình sự		Xử phạt hành chính		Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT		Xử lý khác
			Doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						Người nước ngoài ngoμi	Người Việt Nam	Doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					Cấp Bộ	Cấp tỉnh	Cấp xã							Số vụ	Doanh nghiệp		Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	Đơn vị sự nghiệp có thu	Hộ kinh doanh	Chi nhánh và cơ sở kinh doanh trực thuộc	Số vụ			Số vụ	Số đối tượng	Số vụ	Số tiền (triệu đồng)	Không có thời hạn	Có thời hạn	Số vụ
																												Doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)	(41)	(42)	(43)	(44)
1	Sản xuất con dấu																																											
2	Kinh doanh công cụ hỗ trợ																																											
3	Kinh doanh các loại pháo																																											
4	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ																																											
5	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp																																											
6	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên																																											
7	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ																																											
8	Kinh doanh súng bắn sơn																																											
9	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài																																											
10	Kinh doanh Casino																																											
11	Kinh doanh dịch vụ đặt cược																																											
12	Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp																																											
13	Kinh doanh tiền chất thuốc nổ																																											
14	Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ																																											
15	Kinh doanh dịch vụ nổ mìn																																											
16	Kinh doanh dịch vụ in																																											
17	Kinh doanh các thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động																																											
18	Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ																																											

Số TT	Phân tích / Loại ngành, nghề đầu tư kinh doanh	Cơ sở kinh doanh							Người làm trong cơ sở kinh doanh									Thẩm quyền quản lý			Số lượt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT				Cộng tác viên bí mật	Số lượt thanh tra, kiểm tra	Số vụ vi phạm								Xử lý vi phạm							
		Tổng số	Doanh nghiệp		Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	Đơn vị sự nghiệp có thu	Hộ kinh doanh	Chi nhánh và cơ sở kinh doanh trực thuộc	Tổng số	Trong đó		Doanh nghiệp		Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	Đơn vị sự nghiệp có thu	Hộ kinh doanh	Chi nhánh và cơ sở kinh doanh trực thuộc	Cấp Bộ	Cấp tỉnh	Cấp xã	Tổng số	Cấp mới	Cấp đổi	Cấp lại			Tổng số	Cơ sở kinh doanh vi phạm							Khách vi phạm	Tổng số	Xử lý hình sự		Xử phạt hành chính		Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT		Xử lý khác
			Doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						Người nước ngoài	Người Việt Nam	Doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài															Số vụ	Doanh nghiệp		Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	Đơn vị sự nghiệp có thu	Hộ kinh doanh	Chi nhánh và cơ sở kinh doanh trực thuộc	Số vụ			Số vụ	Số đối tượng	Số vụ	Số tiền (triệu đồng)	Không có thời hạn	Có thời hạn	Số vụ
																													Doanh nghiệp trong nước	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài															
19	Kinh doanh dịch vụ karaoke																																										
20	Kinh doanh dịch vụ vũ trường																																										
21	Kinh doanh dịch vụ lưu trú																																										
22	Sản xuất, mua, bán: Quần, áo, mũ quân phục; Quân hiệu, Công an hiệu phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân																																										
23	Kinh doanh súng quân dụng cầm tay hạng nhỏ																																										
24	Kinh doanh máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ																																										
25	Kinh doanh thiết bị kiểm tra nồng độ cồn																																										
26	Kinh doanh thiết bị đo, thử chất ma túy																																										
27	Kinh doanh thiết bị giám sát điện thoại di động GSM và các loại thiết bị di động khác																																										
	TỔNG CỘNG																																										

II. Tổng số cơ sở kinh doanh thực tế hiện đang quản lý

Phân tích theo thẩm quyền quản lý: Bộ/Tỉnh/Xã

Phân tích theo loại hình cơ sở kinh doanh: Doanh nghiệp trong nước/Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài/Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã/Đơn vị sự nghiệp có thu/ Hộ kinh doanh/Chi nhánh và cơ sở kinh doanh trực thuộc

……

III. Một số vụ điển hình

……

……

……

IV. Nhận xét, đề xuất

……

……

……

CÁN BỘ BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi cấp bậc, chức vụ, họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên Công an cấp trên của cơ quan Công an báo cáo; (2) Tên cơ quan Công an báo cáo

Mẫu ĐK9 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.... (1) ....., *ngày*..... *tháng* ..... *năm* .....

BIÊN BẢN GIAO/NHẬN
Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP;

Căn cứ: ..... (2) .....

Vào hồi .....giờ..... ngày.....tháng ..... năm .....

Tại: .....

.....

Chúng tôi gồm:

1. Người giao: ..... Chức vụ/Chức danh: .....; cơ quan/tổ chức: ……..…….

CC/CCCD/Hộ chiếu số: .....; ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

2. Người nhận: ..... Chức vụ/Chức danh: ..... ; cơ quan/tổ chức: ..... ……

CC/CCCD/Hộ chiếu số: .....; ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Đã giao/nhận một Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (bản chính) số: .....; do…….. cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Tình trạng của Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự khi giao/nhận: .....

Lý do giao/nhận: .....

Biên bản kết thúc vào hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Biên bản được lập thành ..... bản có nội dung và có giá trị như nhau, đã được đọc lại cho những người có tên trong biên bản này nghe và công nhận đúng và ký tên dưới đây.

Đã giao cho ông (bà): ……..... một bản; một bản lưu hồ sơ./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO	**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:
(1) Địa danh nơi giao/nhận; (2) Văn bản. nội dung, kết quả liên quan đến giao/nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

Mẫu ĐK10 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
……...…(2).....

Số: ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ QUẢN LÝ

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ

QUYỂN SỐ: .....
Từ ngày: ...../...../.....
Đến ngày: ...../...../.....

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp; (2) Tên cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT

Số Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT	Ngày, tháng, năm cấp	Cán bộ đề xuất	Lãnh đạo ký	Tên cơ sở kinh doanh	Địa chỉ cơ sở kinh doanh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ngành, nghề đầu tư kinh doanh	Họ, tên người chịu trách nhiệm về ANTT	Số điện thoại liên hệ	Hình thức trả Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT *(Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID)/dịch vụ bưu chính/trực tiếp: Họ và tên người nhận)*	Ghi chú
(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Mẫu ĐK11 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……..
(Tên cơ sở kinh doanh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LÀM TRONG CƠ SỞ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nơi thường trú	Quốc tịch	CC/CCCD/Hộ chiếu			Chức vụ/Chức danh và chuyên môn trong CSKD	Ngày vào làm việc	Ghi chú
		Nam	Nữ			Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
…..											
…..											

……, ngày ..... tháng ..... năm……
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
(Ký, ghi chức vụ, họ, tên và đóng dấu - nếu có)

Mẫu ĐK12 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……..
(Tên cơ sở đào tạo nhân viên DVBV)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHÂN VIÊN ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH, CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ BẢO VỆ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Nơi thường trú	Trình độ học vấn	CC/CCCD			Tiền án *(Nếu có)*	02 ảnh chân dung 3x4 cm *(Mặc đúng trang phục có đội mũ)*	Ký nhận *(Nộp bài sát hạch)*
		Nam	Nữ			Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

……, ngày ……. tháng ……. năm ……..
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký, ghi chức vụ, họ tên và đóng dấu - nếu có)

Mẫu ĐK12a ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

…... (1) .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .... (2) .....
V/v đề nghị cấp đổi, cấp lại
Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ

....., ngày ... tháng ……. năm …….

Kính gửi: …… (3) ……..

Thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Tên cơ sở kinh doanh:…….……;

Số định danh của cơ sở kinh doanh (nếu có): ……;

Địa chỉ cơ sở kinh doanh:……...……;

Địa điểm kinh doanh: …….;

Số điện thoại liên hệ: ……..…..……

Đề nghị …….(3) …… cấp ..... (đổi, lại) Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

Lý do đề nghị cấp: …… (4) …….…….

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Danh sách nhân viên dịch vụ bảo vệ đề nghị cấp đổi, cấp lại;

- Ảnh 3x4 cm (mặc trang phục nhân viên dịch vụ bảo vệ, có đội mũ);

- Bản chính Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ (trừ trường hợp bị mất);

- Tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Đề nghị …….…… (3) ……giải quyết theo quy định./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
(Ký tên; đóng dấu - nếu có)

Ghi chú:
(1) Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ; (2) Số, ký hiệu văn bản của cơ sở kinh doanh (nếu có); (3) Tên cơ quan Công an có thẩm quyền cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; (4) Nêu rõ lý do cấp đổi/cấp lại, số Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ đã cấp; cơ quan cấp; ngày, tháng, năm cấp.

Mẫu ĐK12b ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……
(Tên cơ sở kinh doanh DVBV)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NHÂN VIÊN DỊCH VỤ BẢO VỆ ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ BẢO VỆ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh		Nơi thường trú	CC/CCCD		Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ			02 ảnh chân dung 3x4 cm *(Mặc đúng trang phục nhân viên DVBV, có đội mũ)*
		Nam	Nữ		Số	Ngày cấp	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
3										
4										
5										

……, ngày ……. tháng ……. năm ……..
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH DVBV
(Ký, ghi chức vụ, họ tên và đóng dấu - nếu có)

Mẫu ĐK13 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

…… *(Tên cơ sở kinh doanh)*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC	....(1) ……, *ngày* ……. *tháng* ……. *năm* ……

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả thực hiện các quy định
về an ninh, trật tự trong cơ sở kinh doanh
(Quý ……. / 20…….)

Kính gửi: (2) ……

1. Về quy mô hoạt động, nhân sự:

a) Tổng số chi nhánh, cơ sở kinh doanh trực thuộc: ……..

b) Ngành, nghề đầu tư kinh doanh: ……

c) Tổng số người làm trong cơ sở: ……. (gồm …… người nước ngoài); tăng/giảm ……người (*so với quý trước*).

Trong đó:

- Ban lãnh đạo: …… người (người nước ngoài …….); tăng/giảm ……. (*so với quý trước*).

d) Lực lượng bảo vệ……. người *(trừ cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ)*; tăng/giảm: …… (*so với quý trước*). Trong đó thuê …… người của (3) ……

đ) Phương tiện phục vụ công tác bảo vệ *(số lượng, chủng loại: Công cụ hỗ trợ; camera, bộ đàm, máy dò kim loại …).*

2. Thay đổi, bổ sung (*so với quý trước*):

(Ghi cụ thể việc thay đổi thông tin về: Ngành, nghề đầu tư kinh doanh; quy mô kinh doanh; địa điểm kinh doanh; thay đổi tên cơ sở; thay đổi người chịu trách nhiệm về ANTT; thay đổi, bổ sung điều kiện phòng cháy, chữa cháy…).

……

……

3. Tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh

(Cơ sở kinh doanh báo cáo theo nội dung các thông tin ghi trong phụ lục đính kèm văn bản này)

4. Tình hình an ninh, trật tự tại cơ sở kinh doanh

- Người của cơ sở kinh doanh vi phạm : ……vụ; hình thức xử lý ……

……; cơ quan xử lý……

- Khách hàng vi phạm : ……. vụ ; hình thức xử lý ……

……; cơ quan xử lý……

- Nghi vấn liên quan đến ANTT : ..... trường hợp. Nội dung nghi vấn (4) .....

- Tình hình ANTT khác có liên quan : .....

.....

.....

5. Ý kiến đề xuất của cơ sở kinh doanh:

.....

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
(Ký, ghi chức vụ/chức danh, họ tên, đóng dấu - nếu có)

Ghi chú:
(1) Địa danh nơi báo cáo; (2) Tên cơ quan Công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT; (3) Tên cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo vệ; (4) Ghi rõ những dấu hiệu, biểu hiện có thể gây mất ANTT tại cơ sở kinh doanh.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tình hình, kết quả kinh doanh: Casino; trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; dịch vụ xoa bóp; dịch vụ đặt cược; dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ; dịch vụ karaoke, vũ trường - Quý …. năm……

(Đính kèm mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026)

Tên ngành, nghề đầu tư kinh doanh báo cáo: ..... (*) .....

Phân tích / Quốc tịch	Số lượt khách sử dụng dịch vụ	So với quý trước *(Số lượng khách)*		Ghi chú
		Tăng	Giảm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng số				

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH

……., ngày ……. tháng ……. năm.....

(Ký; ghi họ tên; đóng dấu - nếu có)

Ghi chú:

(*) Tên một trong các ngành, nghề đầu tư kinh doanh nêu tại Phụ lục này;

- Nội dung thông tin "Quốc tịch" (cột 1) không áp dụng cho cơ sở kinh doanh dịch vụ: Xoa bóp, phẫu thuật thẩm mỹ, karaoke, vũ trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tình hình, kết quả kinh doanh: Công cụ hỗ trợ; súng bắn sơn; thiết bị gây nhiễu phát sóng thông tin di động; quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng Quân sự, Công an; các loại pháo - Quý…. năm…….

(Đính kèm mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026)

Tên ngành, nghề đầu tư hoặc tên hàng hoá kinh doanh báo cáo: ..... (*) .....

Phân tích / **Chủng loại**	**Số lượng sản xuất**	**Số lượng nhập khẩu** *(Mang vào)*	**Số lượng xuất khẩu** *(Mang ra)*	**Số lượng mua trong nước**	**Số lượng bán trong nước**	**Số tồn kho** *(Tại thời điểm báo cáo)*	**Ghi chú**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Súng quân dụng *(Khẩu)*							
Công cụ hỗ trợ *(Cái, quả, khẩu…)*							
Súng bắn sơn *(Khẩu)*							
Đạn dùng cho súng quân dụng *(Viên)*							
Đạn dùng cho súng là CCHT *(Viên)*							
Đạn dùng cho súng bắn sơn *(Viên)*							
Các loại pháo *(Quả, giàn, cây…)*							
Thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên *(Cái)*							
Thiết bị gây nhiễu, phá sóng TTDĐ *(Cái)*							

Máy kiểm tra tốc độ GTCG đường bộ *(Cái)*							
Thiết bị kiểm tra nồng độ cồn *(Cái)*							
Thiết bị đo, thử chất ma túy *(Cái)*							
Thiết bị giám sát Điện thoại di động *(Cái)*							
Quần, áo: Quân đội, Công an *(Bộ)*							
Mũ quân phục: Quân đội, Công an *(Cái)*							
Quân hiệu, Công an hiệu *(Cái)*							
Phù hiệu: Quân đội, Công an *(Cái)*							
Cấp hiệu: Quân đội, Công an *(Cái)*							
Số hiệu: Quân đội, Công an *(Cái)*							

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH

……, ngày ……. tháng…….. năm…….

(Ký; ghi họ tên, đóng dấu - nếu có)

Ghi chú:

(*) Tên một trong các ngành, nghề đầu tư kinh doanh nêu tại Phụ lục này (Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng Quân sự, Công an thì ghi tên loại hàng hoá kinh doanh).

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tình hình, kết quả kinh doanh dịch vụ bảo vệ - Quý ….. năm …..

(Đính kèm mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026)

Phân tích / Tên tổ chức, cá nhân thuê dịch vụ bảo vệ	Số lượng hợp đồng	Số lượng mục tiêu bảo vệ	Địa chỉ mục tiêu bảo vệ	Số lượng nhân viên dịch vụ bảo vệ		Ghi chú
				Đã có Chứng chỉ NVBV	Chưa có Chứng chỉ NVBV	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Công ty A						
Cơ quan B						
……						
……						
Tổng số						

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH

……, ngày ……. tháng……. năm ……..

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tình hình, kết quả kinh doanh dịch vụ cầm đồ - Quý ..... năm.....

(Đính kèm mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026)

Phân tích / Loại tài sản khách cầm cố	Số lượng tài sản khách cầm cố		Tổng số hợp đồng đã ký		Tổng số hợp đồng đã thanh lý		Ghi chú
	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Ôtô							
Xe gắn máy							
Xe máy điện							
Máy vi tính							
Điện thoại di động							
……..							
…….							

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH

……, ngày ……. tháng…….. năm……..

(Ký; ghi họ tên; đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tình hình, kết quả kinh doanh dịch vụ in - Quý..... năm.....

(Đính kèm mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026)

Phân tích / Sản phẩm chế bản, sản phẩm in	Tổng số khách hàng đặt in		Tổng số hợp đồng đã ký		Tổng số hợp đồng đã thanh lý		Ghi chú
	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Xuất bản phẩm (trừ sách chữ nổi, bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách, minh họa thay sách) *(Tập hoặc tờ)*							
Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí *(Tập hoặc tờ)*							
Mẫu, biểu mẫu, giấy tờ có tính pháp lý do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ban hành *(Tập hoặc tờ)*							
Tem chống giả *(Cái)*							
Hóa đơn tài chính; giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá *(Tập hoặc tờ)*							
Tổng số							

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH

……, ngày ……. tháng…….. năm……..

(Ký; ghi họ tên; đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC BÁO CÁO
Tình hình, kết quả kinh doanh dịch vụ lưu trú - Quý …. Năm …..
(Đính kèm mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026)

Phân tích / Quốc tịch	Số lượt khách lưu trú *(người)*	So với Quý trước *(số lượng khách)*		Ghi chú
		Tăng	Giảm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng số				

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
………., ngày ………. tháng ………. năm..........
(Ký; ghi họ tên; đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tình hình, kết quả kinh doanh sản xuất con dấu - Quý … năm……..

(Đính kèm mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026)

Phân tích / Số con dấu sản xuất trong tháng	Tổng số con dấu có hình Quốc huy	Tổng số con dấu có hình Công an hiệu	Tổng số con dấu không có hình Quốc huy và Công an hiệu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tháng …..				
Tháng …..				
Tháng …..				
Tổng số				

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH

……, ngày …….. tháng …….. năm…..

(Ký; ghi họ tên; đóng dấu - nếu có)

PHỤ LỤC BÁO CÁO
Tình hình, kết quả kinh doanh: Vật liệu nổ công nghiệp; tiền chất thuốc nổ; ngành, nghề có sử dụng VLNCN và tiền chất thuốc nổ; dịch vụ nổ mìn - Quý … năm ……
(Đính kèm mẫu ĐK13 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026)

Tên ngành, nghề đầu tư kinh doanh báo cáo: ..... (*) .....

I. BÁO CÁO SỐ LƯỢNG VLNCN VÀ TIỀN CHẤT THUỐC NỔ ĐÃ KINH DOANH

Loại sản phẩm / Phân tích		Vật liệu nổ công nghiệp				Tiền chất thuốc nổ *(Amoni nitrat từ 98,5 % trở lên)* *(Kg)*	Ghi chú
		Thuốc nổ các loại *(Kg)*	Kíp nổ các loại *(Cái)*	Dây nổ, dây cháy chậm *(Mét)*	Mồi nổ *(Cái)*		
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tồn đầu kỳ							
Nhập khẩu							
Xuất khẩu							
Sản xuất							
Mua							
Bán							
Bảo quản							
Vận chuyển							
Tiêu hủy							
Sử dụng	Số lượng đã sử dụng						
	Số lượng nhập kho						

II. BÁO CÁO VỀ KHÁCH HÀNG GIAO DỊCH

Phân tích / Khách hàng	Hình thức kinh doanh *(Mua, bán, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy)*	Vật liệu nổ công nghiệp			Tiền chất thuốc nổ *(Amoni nitrat từ 98,5 % trở lên)* *(Kg)*	Ghi chú
		Thuốc nổ các loại *(Kg)*	Kíp nổ các loại *(Cái)*	Dây cháy chậm, dây nổ, dây dẫn nổ *(Mét)*		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Doanh nghiệp A						
Doanh nghiệp B						
.....						
.....						
.....						
Tổng số						

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ KINH DOANH
……., ngày ……. tháng……. năm ……
(Ký; ghi họ tên; đóng dấu - nếu có)

Ghi chú: *(*) Tên một trong các ngành, nghề đầu tư kinh doanh nêu tại Phụ lục này*

Mẫu ĐK14 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ QUẢN LÝ
NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, TRẬT TỰ

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH: .....

ĐỊA CHỈ: .....

NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH: .....

QUYỂN SỐ: .....
Từ ngày ..... /..... / .....
Đến ngày ..... / ..... /.....

Ghi chú:
Cơ sở kinh doanh chỉ nhập nội dung thông tin tại các trang có ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà cơ sở đang hoạt động

1. Sản xuất con dấu

STT	Cơ quan đề nghị sản xuất con dấu	Địa chỉ cơ quan đề nghị sản xuất con dấu	Văn bản đề nghị	
			Số văn bản	Ngày, tháng, năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Nội dung con dấu	Ngày, tháng, năm nhận đề nghị	Ngày, tháng, năm bàn giao con dấu	Người nhận dấu *(Ký, ghi rõ họ tên)*	Ghi chú
(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

2. Kinh doanh súng cầm tay, súng vác vai, công cụ hỗ trợ, súng bắn sơn, đạn sử dụng cho các loại súng này

STT	Tên cơ quan, tổ chức mua/bán súng quân dụng/CCHT/súng bắn sơn/đạn sử dụng cho các loại súng này		Địa chỉ trụ sở cơ của cơ quan, tổ chức mua/bán	Người liên hệ mua/bán: Họ tên CC/CCCD/HC *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Số giấy phép mua/bán: Ngày, tháng, năm; cơ quan cấp
	Mua	Bán			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Số lượng: Súng quân dụng/CCHT/súng bắn sơn/ đạn sử dụng cho các loại súng này *(Khẩu, chiếc, quả, viên…)*		Nước sản xuất	Số, ngày tháng, năm xuất hóa đơn	Ngày, tháng, năm giao/nhận hàng	Khách hàng *(Ký, ghi rõ họ, tên)*	Ghi chú
Mua	Bán					
(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

3. Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (Amoni Nitrat hàm lượng cao từ 98,5% trở lên)

STT	Tên cơ quan/tổ chức tham gia hoạt động *(Xuất/nhập khẩu, mua/bán, tái chế, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy, sử dụng)* VLNCN/TCTN	Địa chỉ trụ sở cơ quan/tổ chức	Người liên hệ *(nếu có)*: Họ tên; CC/CCCD/Hộ chiếu *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Giấy phép hoạt động VLNCN/ TCTN: Số; ngày, tháng, năm; cơ quan cấp	Số lượng VLNCN/ TCTN *Xuất/nhập khẩu, mua/bán, tái chế, bảo quản, vận chuyển, tiêu hủy, sử dụng* (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Hợp đồng: Số; ngày, tháng, năm ký	Hóa đơn: Số; ngày, tháng, năm	Ngày, tháng, năm giao/nhận hàng	Khách hàng *(Ký, ghi họ, tên)*	Ghi chú
(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

4. Kinh doanh ngành, nghề có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; dịch vụ nổ mìn

STT	Địa điểm sử dụng VLNCN	Ngày, tháng, năm sử dụng VLNCN	Số lượng VLNCN đã sử dụng	Giấy phép được sử dụng VLNCN: Ngày, tháng, năm cấp; cơ quan cấp	Số hợp đồng thực hiện dịch vụ nổ mìn; ngày, tháng năm ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Tên tổ chức cung cấp VLNCN	Số lượng VLNCN đã mua	Hợp đồng mua bán Số, ngày, tháng, năm	Hóa đơn mua VLNCN: Số, ngày tháng, năm	Ngày, tháng, năm giao/nhận hàng	Ghi chú
(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

5. Kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường, xoa bóp

STT	Ngày, tháng, năm khách sử dụng dịch vụ	Người liên hệ đặt phòng/bàn: Họ, tên; CC/CCCD/Hộ chiếu *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Tổng số khách sử dụng dịch vụ	Tổng số phòng/bàn khách sử dụng	Số nhân viên phục vụ từng phòng/bàn		Ghi chú
					Nam	Nữ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

6. Kinh doanh thiết bị gây nhiễu, phá sóng thông tin di động; máy kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; thiết bị kiểm tra nồng độ cồn; thiết bị giám sát điện thoại di động; thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên; thiết bị đo, thử chất ma túy

STT	Tên, địa chỉ trụ sở cơ quan/tổ chức mua/bán máy/thiết bị	Người mua/bán Họ, tên; CC/CCCD/HC *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Văn bản cho phép mua/bán: Số; ngày, tháng, năm; cơ quan cấp	Chủng loại, số lượng các máy/thiết bị *(Tên, ký hiệu, số hiệu từng chủng loại)*	
				Mua	Bán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Nguồn gốc và nước sản xuất máy/thiết bị	Hóa đơn mua/bán: Số; ngày, tháng, năm	Ngày, tháng, năm giao/nhận máy/thiết bị	Người giao/nhận *(Ký, ghi họ tên)*	Ghi chú
(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

7. Kinh doanh dịch vụ phẫu thuật thẩm mỹ

STT	Họ và tên người sử dụng dịch vụ	Ngày, tháng, năm sinh		Quốc tịch	CC/CCCD/HC *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Nơi thường trú
		Nam	Nữ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Vị trí trên cơ thể thực hiện phẫu thuật	Người chịu trách nhiệm chính trong ca phẫu thuật	Thời gian phẫu thuật		Ghi chú
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	
(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

8. Kinh doanh dịch vụ lưu trú

STT	Họ và tên khách lưu trú	Ngày, tháng, năm sinh		Quốc tịch	CC/CCCD/HC *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Nơi thường trú
		Nam	Nữ			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Thời gian lưu trú		Số buồng/phòng lưu trú	Họ và tên người thông báo lưu trú; thời gian thông báo lưu trú	Họ và tên cán bộ Công an tiếp nhận thông báo *(Nếu thông báo trực tiếp)*	Ghi chú
Đến: Giờ, phút, ngày, tháng, năm	Đi: Giờ, phút, ngày, tháng, năm				
(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

9. Kinh doanh dịch vụ bảo vệ

STT	Tên và địa chỉ cơ quan, tổ chức, cá nhân ký hợp đồng đề nghị cung cấp dịch vụ bảo vệ	Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ: Số; ngày, tháng, năm	Số mục tiêu hợp đồng bảo vệ	Thời gian triển khai bảo vệ	Số lượng nhân viên bảo vệ tại các mục tiêu	
					Đã có Chứng chỉ NVBV	Chưa có Chứng chỉ NVBV
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Số lượng, chủng loại các phương tiện phục vụ công tác bảo vệ tại các mục tiêu trong một hợp đồng				Ghi chú
Công cụ hỗ trợ	Bộ đàm	Thiết bị kiểm tra kim loại	Các loại phương tiện, thiết bị khác	
(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

10. Kinh doanh quần, áo, mũ quân phục, quân hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, số hiệu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân

STT	Tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức, liên hệ mua/bán	Người liên hệ mua/bán: Họ, tên; CC/CCCD/HC *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Số lượng từng chủng loại hàng hóa		Văn bản, tên cơ quan có thẩm quyền cho phép mua, bán (số; ngày, tháng, năm)
			Mua	Bán	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

11. Kinh doanh các loại pháo

STT	Thời gian sản xuất/xuất khẩu/ nhập khẩu/ mua/bán	Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất/xuất khẩu/ nhập khẩu/mua/bán các loại pháo					Địa chỉ trụ sở của quan, tổ chức sản xuất/ xuất khẩu/ nhập khẩu/ mua/bán	Người liên hệ mua/bán: Họ tên; CC/CCCD/HC *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*
		Sản xuất	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Mua	Bán		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Chủng loại pháo sản xuất/ xuất khẩu/nhập khẩu/mua/bán			Số lượng các loại pháo					Số, ngày tháng, năm xuất hóa đơn	Khách hàng *(Ký, ghi rõ họ, tên)*	Ghi chú
Pháo hoa nổ	Pháo hoa	Pháo khác	Sản xuất	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Mua	Bán			
(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

12. Kinh doanh cung ứng dịch vụ sử dụng súng bắn sơn

STT	Thời gian khách sử dụng dịch vụ	Tổng số khách sử dụng dịch vụ	Tổng số súng bắn sơn cung ứng	Họ và tên khách sử dụng sử dụng dịch vụ	Ngày, tháng, năm sinh	CC/CCCD/Hộ chiếu *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

13. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino

STT	Họ và tên	Năm sinh		Quốc tịch	Hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập cảnh khác *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Thẻ điện tử (nếu có): Số, ngày cấp, nơi cấp	Thời gian vào sử dụng dịch vụ: Giờ, phút, ngày, tháng, năm	Thời gian ra: Giờ, phút, ngày, tháng, năm	Ghi chú
		Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

14. Kinh doanh dịch vụ đặt cược

STT	Họ và tên người đặt cược	Ngày, tháng, năm sinh		Quốc tịch	CC/CCCD/HC *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Ngày, tháng, năm đặt cược	Loại hình đặt cược	Số tiền đặt cược	Ghi chú
		Nam	Nữ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

15. Kinh doanh dịch vụ cầm đồ

STT	Tên tổ chức, cá nhân có tài sản cầm cố	Địa chỉ của: Tổ chức; cá nhân (thường trú/tạm trú) có tài sản cầm cố	Người cầm cố tài sản: Họ tên, CC/CCCD/Hộ chiếu *(Số, ngày cấp, nơi cấp)*	Loại tài sản cầm cố: Tên; chủng loại, nhãn mác, ký hiệu, số hiệu (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản cầm cố (nếu có): Số; ngày, tháng, năm; nơi cấp	Hợp đồng cầm cố tài sản: Số, ngày, tháng, năm	Số tiền vay; lãi suất cho vay *(Tính theo %/tháng)*	Khách hàng *(Ký; ghi họ tên)*	Ghi chú
(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Mẫu ĐK15 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ QUẢN LÝ
ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN DỊCH VỤ BẢO VỆ

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO: .....

ĐỊA CHỈ: .....

QUYỂN SỐ: .....
Từ ngày ..... / ..... / .....
Đến ngày ..... / ..... /.....

Số thứ tự khóa đào tạo *(trong năm)*	Số lượng nhân viên tự đào tạo của cơ sở kinh doanh	Đào tạo dịch vụ *(Áp dụng đối với cơ sở có chức năng đào tạo dịch vụ)*		Thời gian đào tạo (*Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm)*	Ngày, tháng, năm và cơ quan tổ chức sát hạch	Số nhân viên được cấp Chứng chỉ NVBV	Ghi chú
		Số lượng nhân viên đào tạo	Cơ sở kinh doanh đề nghị đào tạo				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Mẫu ĐK16 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
…...…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …… /QĐ- .....(4)....

....(3) ……..…, *ngày*..... *tháng*.....*năm*……...…

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy bài sát hạch nghiệp vụ bảo vệ

……...……(5) …….....

Căn cứ Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Căn cứ Thông tư số 42/2017/TT-BCA ngày 20/10/2017 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BCA và Thông tư số 30/2026/TT-BCA.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bài sát hạch nghiệp vụ bảo vệ do .....(6).....đào tạo:

Sát hạch ngày ..... tháng ..... năm …….. *(theo Quyết định thành lập Hội đồng sát hạch số …… ngày .... tháng .... năm …….)*

Tổng số bài: ……*(Có danh sách kèm theo)*

Lý do hủy: Hết thời hạn lưu trữ, bảo quản.

Điều 2. ……..(7)……. có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu: Hồ sơ.

……...……(8)……...……
(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý; (2) Tên cơ quan tổ chức sát hạch; (3) Địa danh nơi ban hành Quyết định; (4) Phiên hiệu cơ quan ban hành Quyết định; (5) Thẩm quyền ban hành Quyết định; (6) Tên cơ sở đào tạo; (7) Trưởng phòng Phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu/ Đội trưởng Đội có chức năng đăng ký, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu (8) Chức vụ người ký Quyết định.

Mẫu ĐK17 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
…...…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB- (4)

....(3) ....., *ngày*..... *tháng*.....*năm*.....

THÔNG BÁO
Về việc thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ

Kính gửi: (5).....

Thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Căn cứ Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

Căn cứ …… (6)……

Vào hồi: …… giờ ….. ngày ….. tháng …. năm …….. tại ……..
……(2)……
thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ của: …… (7)……

Tổng số Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ thu hồi, hủy:..... *(có danh sách kèm theo)*

Lý do thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ: ……
……

Họ và tên người giao nộp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ: ……

Số CC/CCCD/Hộ chiếu: ……

Ngày cấp: ……..Nơi cấp:……

NGƯỜI GIAO NỘP	CÁN BỘ THU HỒI, HỦY	……(8) ……
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan quản lý trực tiếp; (2) Tên cơ quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; (3) Địa danh nơi ban hành Thông báo; (4) Phiên hiệu cơ quan ban hành Thông báo; (5) Tên tổ chức/cá nhân giao nộp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; (6) Tên văn bản có liên quan đến thu hồi, hủy Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ (nếu có); (7)Tên cơ sở kinh doanh sử dụng nhân viên dịch vụ bảo vệ/Họ và tên nhân viên dịch vụ bảo vệ; (8) Chức vụ của người ký Thông báo.

Thông báo được lập thành 02 bản: 01 bản giao cho người giao nộp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, 01 bản lưu tại hồ sơ.

Mẫu ĐK18 ban hành kèm theo
Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026

……...…(1)…….
…...…(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: …… /QĐ- .....(4)….

....(3) ……..…, *ngày*…..... *tháng*……...*năm*……...…

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy giá trị sử dụng Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ

……...……(5) …….....

Thực hiện Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP.

Căn cứ Thông tư số 30/2026/TT-BCA ngày 31/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; quản lý và sử dụng con dấu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy giá trị sử dụng Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ của: ……...
…….. (6) …….……
Tổng số Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ hủy: ……(*có danh sách kèm theo).*
Cơ quan cấp: ……...
Lý do hủy: ……...

Điều 2. Tổ chức, cá nhân nào sử dụng Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ bị hủy theo Quyết định này là hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. ……(7)……có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

……..……(8)……..……
(Ký, ghi họ và tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Lưu: Hồ sơ.

Ghi chú:
(1) Tên cơ quan trực tiếp quản lý; (2) Tên cơ quan cấp Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; (3) Địa danh nơi ban hành Quyết định; (4) Phiên hiệu cơ quan ban hành Quyết định; (5) Thẩm quyền ban hành Quyết định; (6) Tên cơ sở kinh doanh sử dụng dịch vụ bảo vệ/họ và tên nhân viên dịch vụ bảo vệ; (7) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành quyết định; (8) Chức vụ người ký Quyết định.